

Số: /TTr - HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị Tổng công ty May 10 – CTCP

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty May 10-CTCP**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty May 10 - Công ty cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 02/05/2020;

Hội đồng quản trị Tổng công ty May 10 - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua nội dung dự kiến sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Tổng công ty May 10 - CTCP như sau:

I. Lý do sửa đổi, bổ sung:

Để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021), Luật chứng khoán 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2021) và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

II. Những nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung:

1. Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông sửa đổi/ bổ sung Quy chế Quản trị Tổng công ty như sau:

- Quy chế cũ gồm có 12 Điều
- Quy chế mới gồm có 21 Điều

2. Các nội dung sửa đổi/bổ sung cụ thể gồm 09 nội dung như sau:

- Bổ sung Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng
- Bổ sung Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

- Bổ sung Khoản 1, 5, 6, 9 ; Sửa đổi 04 nội dung tại điểm 2.1, 4.1 – Khoản 4, Khoản 13 và điểm i – khoản 14 – Điều 3 - Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

- Bổ sung khoản 1,3,4,10 Điều 4. *Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.*

- Bổ sung Điều 5. *Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.*

- Bổ sung Điều 6. *Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến .*

- Bổ sung Điều 7. *Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị*

- Bổ sung khoản 1,2,8 và sửa đổi khoản 5 - Điều 8. *Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị*

- Bổ sung Điều 9. *Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.*

- Bổ sung khoản 11 - Điều 10. *Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.*

- Bổ sung Điều 12. *Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.*

- Bổ sung Điều 13. *Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.*

- Bổ sung Khoản 1, 2, 7 - Điều 13. *Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát.*

- Bổ sung Điều 14. *Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc*

- Bổ sung Điều 15. *Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc*

(Chi tiết nội dung bổ sung, sửa đổi tại Phụ lục số 01 kèm theo Tờ trình)

III. Hiệu lực của Quy chế:

Quy chế có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua Quy chế quản trị Tổng công ty May 10 – CTCP và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ban hành và thực hiện Quy chế quản trị Tổng công ty đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HĐQT, TCHC. ĐVT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Vũ Đức Giang

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

PHỤ LỤC 01

Kèm theo Tờ trình số : /TTr- HĐQT ngày tháng năm 2021

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty May 10 – CTCP

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
Căn cứ: <u>- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</u> <u>- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;</u> <u>- Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u> <u>- Thông tư số: 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với</u>	Căn cứ: <u>- Luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;</u> <u>- Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;</u> <u>- Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;</u> <u>- Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020</u>	Dẫn chiếu phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p><u>công ty đại chúng:</u></p> <p>- Điều lệ hoạt động của Tổng công ty May 10 – CTCP.</p> <p>Quy chế này được xây dựng theo <u>Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/ 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số: 95/2017/TT-BTC ngày 22/ 09/ 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số: 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;</u></p>	<p><u>quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán:</u></p> <p>- Điều lệ hoạt động của Tổng công ty May 10 – CTCP.</p> <p>Quy chế này được xây dựng theo <u>Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số: 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số: 155/2020/NĐ-CP.</u></p>	
<p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</p> <p>1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế quản trị Tổng công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.</p> <p>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Quy chế mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
- Chưa quy định	<p>Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>2.1. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty;</p> <p>2.2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>2.3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>2.4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;</p> <p>2.5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>2.6. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán hằng năm;</p> <p>2.7. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>2.8. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản</p>	- Bổ sung phù hợp Điều 138 Luật doanh nghiệp 2020, Điều 272 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại nghiêm trọng cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty khi có bằng chứng xác thực.</p> <p>2.9. Quyết định tổ chức lại Tổng công ty: Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.</p> <p>2.10. Quyết định giải thể Tổng công ty;</p> <p>2.11. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2.12. Phê duyệt quy chế nội bộ về quản trị công ty; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>2.13. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;</p> <p>2.14. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 41 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2.15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>đồng tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.</p>	
<p>Điều 1. Trình tự thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên.</p> <p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);</p> <p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>e. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>1.2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1.1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1.1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.</p> <p>1.3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1.2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.</p> <p>1.4. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1.3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có quyền đại diện Tổng công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.</p> <p>1.2. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ (trường hợp phát sinh các vấn đề bất thường theo Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty) phải lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự ĐHĐCĐ thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không sớm hơn năm (05) ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>- Chưa quy định</p> <p>[...]</p> <p>2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.1. Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười (10) ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển</p>	<p>đồng.</p> <p>2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp</p> <p>2.1. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông (trường hợp phát sinh các vấn đề bất thường theo Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Tổng công ty) phải lập danh sách cổ đông đủ điều kiện tham dự Đại hội đồng cổ đông thông qua Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập <u>không quá 10 ngày</u> trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2.2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>[...]</p> <p>4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4.1. Thông báo mời họp phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là <u>21 ngày</u> trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Bổ sung đổi phù hợp Khoản 2 Điều 141 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán....</p> <p><i>- Chưa quy định</i></p>	<p>một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư) đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán...</p> <p>[...]</p> <p>5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông .</p> <p>5.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.</p> <p>5.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5.3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>- Kiến nghị không được gửi đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p>	<p>2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>- Chưa quy định</p>	<p>- Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ năm phần trăm (5%) cổ phần phổ thông trở lên.</p> <p>- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>5.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 5.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6.1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 9 Điều 20 Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>6.2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6.1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 144 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>- Chưa quy định</p> <p>[...]</p> <p>7. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc theo mẫu của Tổng công ty gửi kèm thông báo mời họp. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>[...]</p> <p>9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.</p> <p>[...]</p> <p>13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông: Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <u>sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên</u> có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 147 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Điều 151 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản trị Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>8. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p>	<p>- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế quản trị Tổng công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>14.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>- Chưa quy định</p>	<p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp điểm i, khoản 1, Điều 150 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>Điều 1. Trình tự thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên.</p> <p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>1.1. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây không được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ Tổng công</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>10. Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>10.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>- Chưa quy định</p>	<p>ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định hướng phát triển Tổng công ty; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty; - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; - Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty. <p>1.2. Ngoài các vấn đề quy định tại khoản 1.1 Điều này, Tổng công ty có thể tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong các trường hợp quy định tại khoản 1.2 Điều này.</p> <p>Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền lấy ý kiến và việc công bố thông tin được áp dụng tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 3 của Quy chế này.</p> <p>3. Danh sách cổ đông được quyền lấy ý kiến bằng</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>10.2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được <u>địa chỉ thường trú</u> của từng cổ đông;</p> <p>10.3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>10.3.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty</u>;</p> <p>10.3.2. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>10.3.3. Họ, tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân</u>; tên, <u>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền</u> của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>văn bản được lập tương tự theo trình tự thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo <u>nghị quyết</u> Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được <u>địa chỉ liên lạc</u> của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp</u>;</p> <p>5.2. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>5.3. Họ, tên, <u>địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân</u> đối với cổ đông là cá nhân; tên, <u>mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính</u> đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020 và thực tế hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 3 Điều 149 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>10.3.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>10.3.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>10.3.6. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>10.3.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty;</p> <p>10.4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;</p>	<p>5.4. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;</p> <p>5.5. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>5.6. Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>5.7. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>6. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Tổng công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>6.1. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>6.2. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>6.3. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;</p>	<p>- Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>10.5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>10.5.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;</u></p> <p>10.5.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>10.5.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>10.5.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>10.5.5. <u>Các quyết định đã được thông qua;</u></p> <p>10.5.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và của người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu. [...]</p>	<p>7. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>7.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, <u>mã số doanh nghiệp;</u></p> <p>7.2. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>7.3. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, và phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>7.4. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>7.5. <u>Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</u></p> <p>7.6. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu. [...]</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>10.6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết</p>	<p>8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>thúc kiểm phiếu dưới hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty hoặc một thời gian khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>10.8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>ngày kết thúc kiểm phiếu dưới hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty hoặc một thời gian khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>10. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>khoản 6 Điều 149 Luật doanh nghiệp 2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020</p>
<p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.</p> <p>1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp, gửi thông báo mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 1,2,3,4 Điều 3 của Quy chế này.</p> <p>2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;</p> <p>2.1. Xác nhận tư cách cổ đông</p> <p>- Tổng công ty gửi thư mời tham dự Đại hội trực tuyến kèm theo văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông. Cổ đông</p>	<p>- Bổ sung phù hợp thực tế hoạt động của Tổng công ty và các quy định tại Điều 140, 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147, 148 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Tổng công ty phải thông báo các tài liệu hướng dẫn/quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.</p> <p>2.2. Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Tổng công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Tổng công ty nêu tại Khoản 2.1 của Điều này.</p> <p>2.3. Ban thẩm tra tư cách cổ đông căn cứ vào thông tin đăng nhập từ Tài khoản truy cập của các cổ đông để làm cơ sở xác định số cổ đông tham dự Đại hội trực tuyến.</p> <p>2.4. Đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến (Check-in)</p> <p>2.4.1. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Tổng công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Tổng công ty (https://www.garco10.com.vn).</p> <p>2.4.2. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.</p> <p>2.5. Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:</p> <p>2.5.1. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về Tổng công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.</p> <p>2.5.2. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định tại Khoản 2.4 Điều này.</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p> <p>3.1. Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Tổng công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.</p> <p>3.2. Trường hợp ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, cổ đông thực hiện theo tài liệu hướng dẫn để đăng ký thông tin người</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>được ủy quyền.</p> <p>4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.</p> <p>4.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>4.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 4.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>4.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 4.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông đăng ký tham dự.</p> <p>5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua dưới hình thức biểu quyết bằng cách bỏ</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>phiếu trực tuyến.</p> <p>6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến.</p> <p>6.1. Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập để đăng nhập vào trang thông tin điện tử của Tổng công ty theo hướng dẫn đã gửi kèm thông báo mời họp để thực hiện biểu quyết.</p> <p>6.2. Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.</p> <p>6.3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.</p> <p>6.4. Khi điều hành đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Tổng công ty để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.</p> <p>7. Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết</p> <p>8. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.</p> <p>9. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 14, 15 Điều 3 của Quy chế này.</p>	
<p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến .</p> <p>1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến, lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp, gửi thông báo mời họp và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 1,2,3,4</p>	<p>- Bổ sung phù hợp thực tế hoạt động của Tổng công ty và các quy định tại Điều 140, 141, 142, 143, 144, 145,</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>Điều 3 của Quy chế này.</p> <p>2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2.1. HĐQT quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.</p> <p>2.2. Việc tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện theo các cách sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gửi thư đăng ký tham dự họp trực tiếp (theo mẫu của Tổng công ty) bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua đường bưu điện/fax tới địa chỉ Tổng công ty thông báo trên thông báo mời họp. - Thực hiện theo tài liệu hướng dẫn gửi kèm thông báo mời họp để đăng ký thông tin họp trực tuyến và xác nhận tư cách cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến <p>2.3. Trước khi khai mạc cuộc họp phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người đại diện dự họp trực tiếp, cổ đông thực hiện việc ủy quyền theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 của Quy chế này. - Trường hợp cổ đông ủy quyền cho người đại diện họp trực tuyến, cổ đông chịu trách nhiệm về việc 	<p>146, 147, 148 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>cung cấp tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác cho người đại diện.</p> <p>4. Điều kiện tiến hành;</p> <p>4.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tiếp và trực tuyến đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>4.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 4.1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký tham dự Đại hội đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>4.3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 4.2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông đăng ký tham dự.</p> <p>5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>dưới hình thức biểu quyết bằng cách bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc họp (đối với cổ đông đăng ký tham dự họp trực tiếp) và biểu quyết điện tử (đối với cổ đông đăng ký họp trực tuyến).</p> <p>6. Cách thức bỏ phiếu.</p> <p>6.1. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu tùy theo nội dung lấy ý kiến (đối với cổ đông tham dự họp trực tiếp) hoặc sử dụng Tài khoản truy cập để bỏ phiếu điện tử (đối với cổ đông tham dự họp trực tuyến).</p> <p>6.2. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến hoặc truy cập vào tài khoản do Tổng công ty cung cấp sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;</p> <p>6.3. Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến”</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.</p> <p>6.4. Khi điều hành đại hội, Chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu (trực tiếp và trên hệ thống) để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Tổng công ty để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.</p> <p>7. Cách thức kiểm phiếu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với cổ đông tham dự họp trực tiếp: Khi tiến hành biểu quyết trực tiếp tại đại hội, số thẻ tán thành được thu trước, số thẻ phản đối được thu sau, cuối cùng đếm tổng số thẻ tán thành hay phản đối để quyết định. Đối với các vấn đề cần bỏ phiếu kín (bầu cử): các cổ đông sẽ bỏ phiếu vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu. - Đối với cổ đông tham dự họp trực tuyến: Ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả bỏ phiếu điện tử trên hệ thống họp trực tuyến. 	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>- Ban kiểm phiếu tiến hành tại một phòng riêng. Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong toàn bộ số phiếu.</p> <p>8. Kết quả biểu quyết được Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội.</p> <p>9. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại khoản 14, 15 Điều 3 của Quy chế này.</p>	
<p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 7. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>2.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;</p> <p>2.2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>2.3. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 153 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>2.4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;</p> <p>2.5. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2.6. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>2.7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>2.8. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm 2.4 khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 41 của Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2.9. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người điều hành đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>2.10. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;</p> <p>2.11. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>2.12. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>2.13. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2.14. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>2.15. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;</p> <p>2.16. Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>2.17. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>2.18. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty.</p> <p>2.19. Đảm bảo hoạt động của Tổng công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Tổng công ty.</p> <p>2.20. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.</p> <p>2.21. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Tổng công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan.</p> <p>2.22. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2.23. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2.24. Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty.</p> <p>2.25. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty.</p> <p>2.26. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.</p> <p>4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>4.1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty;</p> <p>4.3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>4.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>Điều 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p><i>- Chưa quy định</i></p> <p>1. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT</p> <p>1.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Tổng công ty. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.</p> <p>1.2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh</p>	<p>Điều 8. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1.1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người.</p> <p>1.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2.1. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo có ít nhất 1 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành (Thành viên độc lập HĐQT). Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có đủ điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.</p> <p>2.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông 	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 154 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>Tổng giám đốc kể từ ngày 01/08/2020.</p> <p>1.3. Thành viên HĐQT của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 5 công ty khác.</p> <p>- Chưa quy định</p>	<p>của Tổng công ty</p> <p>- Thành viên HĐQT của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 5 công ty khác</p> <p>2.3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định ở khoản 2.2 của Điều này, thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Tổng công phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty; - Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty; - Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít 	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT</p> <p><u>Các cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>4. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT.</p> <p>4.1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của <u>Điều 151</u> Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;</p> <p>c) Thành viên đó bị hạn chế năng lực pháp lý và mất năng lực hành vi và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó bị hạn chế năng lực pháp lý và mất năng lực hành vi;</p>	<p>nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3.1. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>5.1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của <u>Điều 155</u> Luật Doanh nghiệp. - Có đơn từ chức và được chấp thuận; 	<p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp 2020 và Khoản 2 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p> <p>- Trích dẫn phù hợp LDN 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp khoản 1, Điều 160 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>4.2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p><i>- Chưa quy định</i></p>	<p>5.2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>5.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 5.1 và khoản 5.2 Điều này.</p> <p>5.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>5.4.1. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>5.4.2 Trừ trường hợp quy định tại khoản 5.4.1 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 160 LDN 2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 160 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>[...]</p> <p>8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>8.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>8.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 1 Điều 157 LDN 2020</p>
<p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 9. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:</p> <p>2.1. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 163 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;</p> <p>2.2. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
<p>Điều 3. Trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT - Chưa quy định</p>	<p>Điều 10. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 2, 3, 5 Điều 157 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>1. Thông báo họp HĐQT [...] Thông báo mời họp được gửi bằng <u>bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác</u>, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.</p> <p><i>- Chưa quy định</i></p>	<p>2.1. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; 2.2. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; 2.3. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; 3. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 2 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị. 4. Thông báo họp Hội đồng quản trị [...] 4.2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng <u>giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác</u> do Điều lệ Tổng công ty quy định nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty. 9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 157 LDN 2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp Khoản 11</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>[...]</p> <p>5.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích, chương trình và nội dung họp; - Thời gian, địa điểm họp; - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến; - Các vấn đề đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký của <u>các thành viên dự họp và người ghi biên bản.</u> 	<p>người khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>[...]</p> <p>10. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>10.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>10.2. Thời gian, địa điểm họp;</p> <p>10.3 Mục đích, chương trình và nội dung họp;</p> <p>10.4. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</p> <p>10.5. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>10.6. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</p> <p>10.7. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>10.8. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>10.9 Họ, tên, chữ ký <u>chủ tọa và người ghi biên bản</u>, trừ trường hợp quy định tại khoản 11 Điều này.</p>	<p>Điều 157 LDN 2020</p> <p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 158 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>- Chưa quy định</p>	<p>11. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các khoản 10.1, 10.2, 10.3, 10.4, 10.5, 10.6, 10.7 Điều này thì biên bản này có hiệu lực</p>	
<p>Điều 8. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty. 1. Tiêu chuẩn Người phụ trách quản trị Tổng công ty. [...] 1.3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau: [...] - Chưa quy định</p>	<p>Điều 11. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty [...] 5. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau: [...] 5.9. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Khoản 3 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>
<p>- Chưa quy định</p>	<p>Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát. 1. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát: 1.1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty. 1.2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 170 LDN 2020, Điều 287, 288 Nghị định 155/2020/NĐ-</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>1.3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.</p> <p>1.5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.</p> <p>1.6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban</p>	CP

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>1.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>1.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm trách nhiệm tại Điều 40 Điều lệ Tổng công ty phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>1.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.</p> <p>1.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p> <p>1.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>1.12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p> <p>1.13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>1.14. Giám sát tình hình tài chính của Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>1.15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>1.16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>1.17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>1.18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>1.19. Được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 179 Luật doanh nghiệp 2020.</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>2. Trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2.1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>2.2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.</p> <p>2.3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</p> <p>2.4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p> <p>2.5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 2.1, 2.2, 2.3 và 2.4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.</p> <p>2.6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.</p>	
Điều 4. Đề cử, ứng cử, bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm	Điều 13. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>Kiểm soát viên: - Chưa quy định</p> <p>1. Tiêu chuẩn kiểm soát viên: <u>1.1. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp 2014, Điều 44 Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:</u></p>	<p>thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>1.1. Ban kiểm soát Tổng công ty có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>1.2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Tổng công ty quy định.</p> <p>1.3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p><u>2.1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật doanh nghiệp 2020.</u></p> <p><u>2.2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh</u></p>	<p>- Bổ sung, sửa đổi phù hợp Điều 168, 169 LDN 2020, Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>- <u>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty.</u></p> <p>- <u>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó. Kiểm soát viên phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty.</u></p> <p><u>1.2. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Tổng công ty nhưng không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của Tổng công ty.</u></p> <p>2. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.</p> <p><u>2.1. Các cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít</u></p>	<p><u>tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;</u></p> <p><u>2.3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc và người quản lý khác;</u></p> <p><u>2.4. Không phải là người quản lý Tổng công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty.</u></p> <p><u>2.5. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Tổng công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Tổng công ty.</u></p> <p><u>2.6. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty hoặc là thành viên, nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó.</u></p> <p>3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;</p> <p><u>3.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.</u></p>	<p>- Sửa đổi phù</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.</p> <p>[...]</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.</p> <p>4.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ Tổng công ty;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d) Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.</p> <p>4. 2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật doanh nghiệp;</p> <p>c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>[...]</p> <p>5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>5.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 2 Điều này. - Có đơn từ chức và được chấp thuận; <p>5.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh 	<p>hợp Khoản 5 Điều 115 LDN 2020</p> <p>- Sửa đổi phù hợp Điều 174 LDN 2020</p> <p>- Bổ sung phù hợp khoản 2, Điều</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>- Chưa quy định</p>	<p>nghiệp và Điều lệ Tổng công ty; - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. [...] 7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát. 7.1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát; 7.2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác; 7.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo</p>	<p>174 LDN 2020</p> <p>- Bổ sung phụ hợp Điều 163 LDN 2020</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.	
<p>Điều 5. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Tiêu chuẩn của người điều hành Tổng công ty. Người điều hành Tổng công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Đã tốt nghiệp đại học; – Đảm bảo sức khỏe theo yêu cầu của công việc; – Có năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp; – Có kinh nghiệm ít nhất 03 năm và kiến thức kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Tổng công ty; – Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp. <p>2. Bổ nhiệm người điều hành Tổng công ty.</p> <p>2.1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>2.2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị bổ nhiệm người điều hành Tổng công ty với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Tổng công ty do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>3. Ký hợp đồng lao động với người điều hành Tổng công</p>	<p>- Bổ quy định này, chi tiết thành Điều 14, 15 về Tổng giám đốc</p>	<p>- Sửa đổi phù hợp Quy chế mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>ty.</p> <p>3.1. Hội đồng quản trị ký hợp đồng với Tổng giám đốc trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.</p> <p>3.2. Việc ký hợp đồng với những người điều hành khác được thực hiện như với người lao động của Tổng công ty. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p> <p>4. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty</p> <p>Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm người điều hành mới thay thế.</p> <p>5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Tổng công ty.</p> <p>Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành của Tổng công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử</p>		

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>của Tổng công ty, Sở giao dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>		
	<p>Điều 14. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>2.1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>2.2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>2.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;</p> <p>2.4. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;</p> <p>2.5. Trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>2.6. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Tổng công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 162 LDN 2020, Quy chế mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>2.7. Tuyển dụng lao động;</p> <p>2.8. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>2.9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p>	
	<p>Điều 15. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc</p> <p>1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc.</p> <p>1.1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>1.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tốt nghiệp đại học; - Có năng lực quản lý điều hành doanh nghiệp; - Có kinh nghiệm và kiến thức kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề đăng ký kinh doanh của Tổng công ty; - Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp. - Không thuộc đối tượng quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 162 Luật doanh nghiệp. 	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 162 LDN 2020, Quy chế mẫu tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC và Điều lệ Tổng công ty</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>2. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc ký hợp đồng thuê người khác làm Tổng giám đốc. - Hợp đồng lao động của Tổng giám đốc phải quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. <p>3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;</p> <p>3.1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi có từ hai phần ba (2/3) thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc nếu Tổng giám đốc là thành viên của Hội đồng quản trị) và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất. - Từ bỏ nhiệm sở hoặc không thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>3.2. Hội đồng quản trị miễn nhiệm Tổng giám đốc khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chết, mất trí, mất quyền công dân; - Từ bỏ nhiệm sở hoặc không thực hiện nhiệm vụ của Tổng giám đốc trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Có đơn từ chức và được chấp thuận; - Không còn thỏa mãn các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này. <p>3.3. Trường hợp Hội đồng quản trị thuê người khác làm Tổng giám đốc dưới hình thức ký hợp đồng lao động thì Hội đồng quản trị có quyền chấm dứt hợp đồng lao động khi xảy ra một trong các trường hợp quy định tại khoản 3.1, 3.2 của Điều này.</p> <p>3.4. Trong trường hợp quy định tại khoản 3.1, 3.2, 3.3 Điều này, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc mới trong thời hạn tối đa bốn mươi lăm (45) ngày.</p> <p>4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.</p> <p>Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc Tổng công ty phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, Sở giao</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>dịch chứng khoán, Ủy Ban chứng khoán Nhà nước trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p> <p>5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc</p> <p>5.1. Tổng công ty có quyền trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>5.2. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định, được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>- Bổ sung phù hợp Điều 163 LDN 2020</p>
<p>Điều 6. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và <u>Ban điều hành</u>.</p> <p>1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên</p>	<p>Điều 16. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc</p> <p>1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và <u>Tổng Giám đốc</u>.</p> <p>1.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên</p>	<p>- Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 6 – Quy chế mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT có thể mời Ban điều hành tham dự cuộc họp HĐQT.</p> <p>1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp được thực hiện theo quy định tại Điều 1 Quy chế này.</p> <p>2. Thông báo Biên bản họp HĐQT /Nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc Nghị quyết HĐQT tới các thành viên HĐQT và Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p><i>- Chưa có quy định</i></p>	<p>Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>1.2. Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp HĐQT có thể mời Ban giám đốc tham dự cuộc họp HĐQT.</p> <p>1.3. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.</p> <p>2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát.</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới các Kiểm soát viên trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc.</p> <p>Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>[...]</p> <p>4.3. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>4.3. Những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty</p> <p>b. Phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh</p> <p>c. Số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định.</p> <p>d. Các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty;</p> <p>e. Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>f. Bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>7. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>7.1. Tổng giám đốc phải báo cáo, kiến nghị Hội đồng quản trị những vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty - Phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh - Số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Tổng công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định. - Các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Tổng công ty; - Kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù 	<p>phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;</p> <p>g. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Tổng công ty.</p> <p>[...]</p> <p>7. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>7.1. Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị những vấn đề quy định tại mục 4.3, khoản 3 Điều này.</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>- Bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Tổng công ty;</p> <p>[...]</p> <p>8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo nhiệm vụ cụ thể của các thành viên.</p> <p>- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát các hoạt động của Tổng giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình hoạt động tài chính. Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp cùng Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc để đề ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của Tổng công ty.</p> <p>- Hàng năm, Ban kiểm soát có ít nhất 2 cuộc họp định kỳ</p>	<p>[...]</p> <p>8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo nhiệm vụ cụ thể của các thành viên.</p> <p>8.1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT:</p> <p>BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:</p> <p>a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
<p>nhằm kiểm soát hoạt động tài chính của Tổng công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan và hỗ trợ Kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.</p>	<p>soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;</p> <p>c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Tổng công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</p> <p>d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;</p> <p>f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi;</p> <p>g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là năm (05) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng năm (05) ngày làm việc;</p> <p>h. HĐQT tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.</p> <p>8.2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc :</p> <p>a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;</p> <p>b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;</p> <p>c. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;</p> <p>d. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Tổng công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>e. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh Tổng công ty của BKS phải</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.</p> <p>f. Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình</p> <p>8.3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Tổng công ty, đảm bảo Tổng công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.</p> <p>a. Khi có kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty: Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn năm (05) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;</p> <p>b. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;</p> <p>c. Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Tổng công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;</p>	

Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2018	Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021	Căn cứ pháp lý
	<p>d. Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật;</p> <p>e. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại mục 4.3, khoản 4 Điều này phải được gửi trước ít nhất là năm (05) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.</p>	
<p>Điều 12. Điều khoản thi hành.</p> <p>1. Quy chế này gồm <u>12 điều</u>, được Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty May 10 – CTCP thông qua <u>ngày 23 tháng 04 năm 2018</u> và cùng chấp nhận toàn văn của Quy chế này.</p> <p>2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng công ty.</p> <p>3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng giám đốc.</p>	<p>Điều 21. Điều khoản thi hành.</p> <p>Quy chế quản trị Tổng công ty gồm <u>21 điều</u> và có hiệu lực thi hành kể từ ngày <u>17 tháng 04 năm 2021</u>.</p>	<p>- Phù hợp thực tế hoạt động của Tổng công ty</p>

Phụ lục trên là một phần không thể thiếu của Tờ trình sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Tổng công ty May 10 – Công ty cổ phần./.

Ghi chú:

- Phần gạch chân là các nội dung sửa đổi. Phần in đậm là các nội dung bổ sung thêm.